

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2025/HS-PT**
Ngày 14-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương, ông Võ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo Mai Văn H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2025/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lâm Đồng).

- Bị cáo có kháng cáo: Mai Văn H, sinh năm 1986 tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); số CCCD: 044086004848, cấp ngày 19-4-2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng); chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường Đ, tỉnh Lâm Đồng); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; tiền án, tiền sự: Không; con ông Mai Văn H1 (đã chết) và bà Mai Thị H; có vợ là chị Trần Thị Hương T và có 02 con (sinh năm 2017 và năm 2022); bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Mai Văn H2 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H2 – Chi nhánh Đắk Nông; địa chỉ: Số 56, đường 3/2, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Mai Văn H là chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân (HĐND) - Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, được giao nhiệm vụ trực tiếp theo dõi, đôn đốc, tham mưu, giải quyết các thủ tục hành chính và kiểm tra, trình ký dự thảo văn bản để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Mai Văn H đã đưa ra thông tin gian dối nhằm

chiếm đoạt tiền của 02 cá nhân, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của bà Chu Thị Kim H3 số tiền 13.000.000 đồng:

Năm 2021, gia đình bà H3 hiến một phần diện tích đất thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng) để làm đường đi. Sau đó, bà H3 tiến hành làm thủ tục đề nghị thu hồi diện tích đất đã hiến, chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã cấp.

Ngày 03-8-2023, Mai Văn H được Lãnh đạo UBND thành phố Gia Nghĩa phân công nhiệm vụ kiểm tra thể thức văn bản, thành phần hồ sơ kèm theo Tờ trình số 934/TTr-TNMT ngày 02-8-2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Gia Nghĩa về việc đề nghị thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất của ông Đoàn Văn T (Vợ là bà Chu Thị Kim H2); H không có chức vụ, quyền hạn xây dựng hồ sơ, giải quyết việc thu hồi đất. Quá trình kiểm tra, H phát hiện hồ sơ có thiếu sót nhưng không báo cáo Lãnh đạo để trả hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường khắc phục. Ngày 20-9-2023 H liên hệ, yêu cầu bà H3 đến Văn phòng HĐND - UBND thành phố Gia Nghĩa. Tại đây, H trao đổi với bà H3 về nội dung đơn tự nguyện trả lại đất của gia đình bà H3 với diện tích 554m² là không đúng với diện tích đất đề nghị thu hồi tại Tờ trình số 934 ngày 02-8-2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường (885m²) và yêu cầu bà H3 viết lại đơn tự nguyện trả đất. Ngày 25-9-2023, hồ sơ của bà H3 đã hoàn thiện, không còn thiếu sót. Tuy nhiên, H đưa ra thông tin gian dối việc hồ sơ của bà H3 là do H trực tiếp kiểm tra, giải quyết, hồ sơ của bà H3 còn nhiều chông chéo, thiếu sót nên không đủ điều kiện để trình lãnh đạo UBND thành phố Gia Nghĩa ký Quyết định thu hồi đất, yêu cầu bà H3 phải bổ sung, chỉnh sửa lại, nếu không sẽ trả lại hồ sơ. Đồng thời, H yêu cầu bà H3 đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng để H xử lý hồ sơ thủ tục hiến đất, chỉnh lý GCNQSDĐ và tách thửa, thì bà H3 đồng ý và đã chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 050115868982 của H.

Ngày 16-10-2023, UBND thành phố Gia Nghĩa ban hành Quyết định thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất số: 2372/QĐ-UBND, thu hồi diện tích 885m² đất của gia đình ông T và bà H3. Cùng ngày, H gửi cho bà H3 Quyết định số 2372/QĐ-UBND nêu trên, yêu cầu bà H3 đưa GCNQSDĐ số CN 206747 nộp lại cho H để thực hiện thủ tục chỉnh lý Giấy chứng nhận đối với diện tích đã thu hồi. Ngày 27-10-2023 H yêu cầu bà H3 đưa số tiền 3.000.000 đồng để đo đạc lại thửa đất thì bà H3 đồng ý và chuyển 3.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Sacombank số 050115868982 của H. Sau khi nhận được tiền, H không thực hiện việc đo đạc thửa đất, cũng không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để thực hiện đo đạc, chỉnh lý GCNQSDĐ và tách thửa cho bà H3. Đến tháng 11-2023, bà H3 nhiều lần hỏi thúc H thực hiện các nội dung chỉnh lý GCNQSDĐ, tách thửa đất như đã thỏa thuận thì H tiếp tục hứa hẹn, đưa ra các thông tin gian dối đã làm các thủ tục cho bà H3. Ngày 15-01-2024 và 13-3-2024, bà H3 yêu cầu H viết giấy cam kết với nội dung đến ngày 18-3-2024, H sẽ thực hiện xong các thủ tục trên cho bà H3. Sau đó, bà H3 phát hiện H không có chức năng, thẩm quyền và không thực hiện các nội dung chỉnh lý GCNQSDĐ và tách thửa nên bà H3 nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền và GCNQSDĐ nhưng H không thực hiện. Đến ngày 15-4-2024, bà H3 đã tố giác hành vi của H đến Cơ quan cảnh sát điều tra.

2. Chiếm đoạt của ông Trịnh Văn Đ số tiền 50.000.000 đồng:

Ngày 07-10-2023, ông Trịnh Văn Đ nhờ H chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với 02 thửa đất: Thửa số 122, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường Đ, tỉnh Lâm Đồng) và thửa số 809, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại tổ dân phố 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng). H không có chức năng, nhiệm vụ và không có khả năng thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tuy nhiên H vẫn đưa ra thông tin bản thân thực hiện được, cụ thể:

- Đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12: H nói với ông Đ nội dung trước khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì phải đăng ký biến động đường đi trên GCNQSDĐ của thửa số 122, chi phí chuyển đổi là 50.000.000 đồng, yêu cầu ông Đ đưa trước 20.000.000 đồng, hẹn trong 02 tháng sẽ hoàn thành. Ngày 08-10-2023 và ngày 09-10-2023, ông Đ đưa GCNQSDĐ của thửa số 122 và chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H (ngày 08-10-2023 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 09-10-2023 chuyển 15.000.000 đồng).

- Đối với thửa đất số 809, tờ bản đồ số 02: Sau khi kiểm tra thuộc quy hoạch khu vui chơi, giải trí, không thể chuyển đổi được mục đích sử dụng. Do đó, H đưa ra thông tin muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa số 809 thì UBND tỉnh phải điều chỉnh lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ông Đ nhờ H xử lý điều chỉnh. Ngày 10-10-2023, H đưa ra thông tin gian dối về việc đã trao đổi xong với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Gia Nghĩa sẽ điều chỉnh lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với thửa đất số 809, yêu cầu ông Đ gửi hồ sơ, chi phí chuyển đổi là 60.000.000 đồng, đưa trước 30.000.000 đồng, hẹn 03-04 tháng sẽ hoàn thành xong hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ông Đ đồng ý và đưa GCNQSDĐ của thửa số 809 cho H. Ngày 10-10-2023 và ngày 11-10-2023, ông Đ đã 02 lần chuyển tổng số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H.

Sau khi nhận được tiền, Mai Văn H không liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông Đ. Ngày 30-11-2023, khi ông Đ hỏi kết quả chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì H đưa ra thông tin gian dối với nội dung: đang thực hiện và đã làm được đến giai đoạn ký các quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ra thông báo đóng thuế. Sau đó, ông Đ không tin tưởng nên đã yêu cầu H trả lại 02 GCNQSDĐ và tiền. Tháng 3-2024, H trả lại 02 GCNQSDĐ cho ông Đ. Ngày 06-4-2024, H viết giấy biên nhận về việc nhận tiền và làm thủ tục chuyển nhượng mục đích đưa cho ông Đ. Do H không trả tiền nên ngày 15-4-2024, ông Đ đã tố giác hành vi của H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Kết luận giám định số: 231/KL-KTHS ngày 24/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Mai Văn H trên giấy cam kết ghi ngày 15-01-2024 và ngày 13-3-2024, giấy biên nhận ghi ngày 06-4-2024, so với chữ ký, chữ viết của Mai Văn H trên tài liệu cần so sánh, là do cùng một người ký, viết ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2025/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn H 02 (hai) năm tù. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và

quyền kháng cáo.

Ngày 04-4-2025, bị cáo Mai Văn H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Mai Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại bản bào chữa, người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng quy các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s, u, x khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Mai Văn H dưới mức thấp nhất tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Văn H, xử phạt bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Từ ngày 25-9-2023 đến ngày 27-10-2023, Mai Văn H là chuyên viên của Văn phòng HĐND - UBND thành phố Gia Nghĩa, chỉ được giao nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định văn bản trình lãnh đạo phê duyệt nhưng Mai Văn H đã đưa ra thông tin gian dối có trách nhiệm, quyền hạn trong việc giải quyết thủ tục thu hồi đất, có khả năng thực hiện thủ tục chính lý GCNQSDĐ, tách thửa và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, để chiếm đoạt của bà Chu Thị Kim H3 số tiền 13.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Trịnh Văn Đ số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, Bản án số: 15/2025/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã kết án bị cáo Mai Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc danh nghĩa của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm c và đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị hại ông Trịnh Văn Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngày 21-02-2025 đã phát hiện, trình báo Công an phường Nghĩa Đức bắt giữ đối tượng truy nã trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền đã

chiếm đoạt cho các bị hại nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội đã khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với quan điểm của Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội đã lập công chuộc tội*” “*Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ*” theo điểm u, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, bởi lẽ: Bị cáo chỉ phát hiện, trình báo Công an phường Nghĩa Đức nơi lần trốn của đối tượng truy nã (không phải tham gia phát hiện tội phạm, bắt kẻ phạm tội) nên chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, theo hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử cũng như Nghị quyết số: 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04-8-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Mặt khác, tại giai đoạn phúc thẩm, bị hại bà Chu Thị Kim H3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tuy bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Mai Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 3 Văn bản hợp nhất số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa về việc cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Văn H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2025/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa về hình phạt.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Văn H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Hạnh